

Số: /2025/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

**Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thu tiền sử dụng đường bộ
đối với các dự án xây dựng đường bộ do Bộ Xây dựng quản lý**

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 119/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán điện tử giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 130/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về phí sử dụng đường bộ cao tốc đối với phương tiện lưu thông trên đường bộ cao tốc thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và trực tiếp quản lý, khai thác;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, Môi trường và Vật liệu xây dựng và Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng tái ban hành Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thu tiền sử dụng đường bộ đối với các dự án xây dựng đường bộ do Bộ Xây dựng quản lý.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thu tiền sử dụng đường bộ đối với các dự án xây dựng đường bộ do Bộ Xây dựng quản lý.

Điều 2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thu tiền sử dụng đường bộ tại các dự án xây dựng đường bộ do Bộ Xây dựng quản lý.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026 và thay thế Thông tư số 40/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ đối với các dự án xây dựng đường bộ do Bộ Giao thông vận tải quản lý./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng;
- Lưu: VT, KHCN, MT&VLXD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**CÔNG TÁC THU TIỀN SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ DO BỘ XÂY DỰNG QUẢN LÝ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số/2025/TT-BXD ngày tháng năm
2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**PHẦN I
THUYẾT MINH****1. Cơ sở xây dựng định mức**

- Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;
- Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 119/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán điện tử giao thông đường bộ;
- Nghị định số 130/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về thu phí sử dụng đường bộ cao tốc đối với phương tiện lưu thông trên tuyến đường bộ cao tốc thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện chủ sở hữu và trực tiếp quản lý, khai thác;
- Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;
- Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
- Thông tư số 19/2023/TT-BLĐTBXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) ban hành bổ sung Danh mục nghề, công việc nặng độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
- Thông tư số 34/2024/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về hoạt động trạm thu phí đường bộ.

2. Giải thích từ ngữ

Trong định mức này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Thu tiền sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng trong bộ định mức được viết tắt là ETC;

b) Đối soát là việc đối chiếu các giao dịch thu tiền sử dụng đường bộ;

c) Đơn vị tính “làn” là làn có hoạt động thu tiền;

d) Phân trạm là một bộ phận của trạm thu phí trong đó có làn thu tiền nằm trên các nhánh đường, tuyến đường khác nhau, việc bố trí nhân công để thực hiện các công việc thu tiền tại các vị trí độc lập;

đ) Ca là thời gian hoạt động thu phí trong 8 giờ (một ngày hoạt động thu phí liên tục được tính là 3 ca);

e) Công là đơn vị tính thể hiện mức hao phí lao động một (01) ngày công làm việc bình thường;

g) Lưu lượng mãn tải là lưu lượng lớn nhất dự kiến của dự án được xác định trong hợp đồng ký kết giữa Cơ quan có thẩm quyền với Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án;

h) Cấp bậc nhân công là cấp bậc bình quân của các nhân công tham gia thực hiện một đơn vị công tác thu tiền sử dụng dịch vụ đường bộ. Cấp bậc nhân công áp dụng theo Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện.

3. Nội dung của định mức

- Định mức công tác trực tiếp: Định mức công tác trực tiếp tại trạm thu phí được xác định là số ngày công lao động trực tiếp thực hiện công tác thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ.

- Định mức công tác gián tiếp: Định mức công tác gián tiếp được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm theo tổng chi phí nhân công trực tiếp.

4. Hướng dẫn áp dụng

a) Định mức này không bao gồm chi phí đầu tư, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế, nâng cấp thiết bị thu phí và các chi phí khác liên quan đến chuyển đổi công nghệ thu phí;

b) Định mức công tác gián tiếp không bao gồm các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn của bộ phận lao động trực tiếp mà người sử dụng lao động phải nộp cho người lao động theo quy định;

c) Chi phí nhân công trực tiếp (CNC) bao gồm các khoản chi phí mà các người sử dụng lao động phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như: tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, các khoản chi phí khác (chi phí ăn ca và các chế độ khác của từng loại lao động (nếu có) theo quy định của pháp

luật), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, trong đó:

Chi phí tiền lương, tiền công được xác định bằng hao phí lao động theo định mức công tác trực tiếp nhân với đơn giá ngày công tương ứng. Đơn giá ngày công trực tiếp phục vụ công tác thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ được xác định theo quy định bao gồm tiền lương cơ sở và các khoản phụ cấp lương theo quy định của pháp luật.

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác của nhân công trực tiếp theo quy định hiện hành của pháp luật bao gồm cả các khoản do người sử dụng lao động chi trả.

d) Quá trình thực hiện căn cứ điều kiện thực tế để xác định số làn, số ca làm việc và các thông số để áp dụng Định mức.

đ) Các khối lượng ca đêm và ngày lễ tết được thực hiện theo quy định của pháp luật lao động.

Ví dụ, đối với trạm thu phí có thời gian làm việc 3 ca trong cả năm có thể lập dự toán từ tiền lương ngày công ngày bình thường và điều chỉnh chi phí nhân công theo hệ số bình quân bằng 1,2 được tính toán như sau:

TT	Nội dung	Số lượng/Năm (ca)	Chế độ tiền lương theo quy định hiện hành theo quy định tại Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14
1	Ca làm việc bình thường ngày	365 ngày * 2 ca – 22 ca ngày lễ = 708 ca	
2	Ca làm việc bình thường đêm	365 ngày * 1 ca – 11 ca ngày lễ = 354 ca	được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương ngày thường (hệ số 1,3)
3	Ca làm việc ngày lễ tết ngày (11 ngày theo Luật lao động năm 2019)	11 ngày * 2 ca = 22 ca	được trả thêm ít nhất bằng 300% tiền lương ngày thường (hệ số 4)
4	Ca làm việc ngày lễ tết đêm	11 ngày * 1 ca = 11 ca	được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương ngày lễ tết (hệ số 4*1,3 = 5,2)
	Tổng	1095 ca	(Hệ số lương tăng thêm bình quân: $(1*708 + 354*1,3 + 22*4 + 11*5,2)/1095 = 1,20$)

PHẦN II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC TRỰC TIẾP

TTP.1100 CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG THU TIỀN SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ TẠI HẠ TẦNG TRẠM THU PHÍ VÀ HỆ THỐNG FRONT-END

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành và giải quyết các vấn đề liên quan đến ca trực, tổ bán soát vé, bảo vệ phân làn và các bộ phận liên quan trong ca trực được phân công phụ trách, xử lý kịp thời các tình huống phát sinh tại làn theo quy định, ghi nhận và báo cáo về tình hình hoạt động trong ca làm việc và thực hiện một số nhiệm vụ được giao liên quan khác.

Đơn vị: 1 trạm thu phí / ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TTP.11	Công tác điều hành hoạt động thu tiền sử dụng đường bộ tại hạ tầng trạm thu phí và hệ thống Front-End	Lao động trực tiếp sản xuất nhóm II bậc 5/7	công	1,156
				10

Ghi chú:

Trường hợp dự án thu phí kín theo công nghệ đầu vào là làn tự do không có barrier thì định mức được điều chỉnh nhân hệ số $k = 0,5$.

TTP.1200 CÔNG TÁC TRỰC TIẾP BÁN SOÁT VÉ TẠI CABIN

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, tiếp nhận vé, thực hiện kiểm vé, thu tiền bán vé, giải quyết các tình huống phát sinh trong phạm vi công việc được giao tại ca làm việc, bàn giao vé, tiền bán vé cho bộ phận có chức năng khi hết ca làm việc, xử lý xự cố làn thu phí hỗn hợp nếu có và thực hiện một số nhiệm vụ được giao liên quan khác.

Đơn vị: 1 làn thu phí/ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TTP.12	Công tác trực tiếp bán soát vé tại cabin	Lao động trực tiếp sản xuất nhóm II bậc 4/7	công	1,156
				10

Ghi chú:

- Công tác trực tiếp bán soát vé tại cabin chỉ áp dụng với làn đường thu phí sử dụng đường bộ theo hình thức một dừng (MTC) và hình thức thu phí hỗn hợp, không áp dụng với làn thu phí sử dụng máy phát thẻ tự động.

- Trường hợp lưu lượng thực tế bình quân 1 năm / 1 làn thu phí vượt lưu lượng mãn tải/làn thu phí, định mức được điều chỉnh nhân thêm hệ số k:

+ Lưu lượng từ 1,8 đến <2,5 lần lưu lượng mãn tải: $k = 1,05$

+ Lưu lượng >2,5 lần lưu lượng mãn tải: $k = 1,1$

TTP.1300 CÔNG TÁC BẢO VỆ, PHÂN LÀN XE QUA TRẠM, PHÂN TRẠM

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, thực hiện công tác bảo vệ, giám sát tài sản ngoài hiện trường thu phí, điều tiết, phân làn giao thông cho xe qua trạm và thực hiện một số nhiệm vụ được giao liên quan khác.

Đơn vị: 1 lần thu phí MTC và hỗn hợp/ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trạm có tổng số làn ≤ 2	Trạm có tổng số làn > 2
TTP.13	Công tác bảo vệ, phân làn xe qua trạm, phân trạm	Lao động trực tiếp sản xuất nhóm II bậc 3/7	công	1	0,5
				10	20

Ghi chú:

- Công tác bảo vệ, phân làn chỉ áp dụng với làn đường thu phí sử dụng đường bộ theo hình thức một dừng (MTC) và hình thức thu phí hỗn hợp.

- Định mức được tính với trường hợp trạm theo yêu cầu cần thực hiện bảo vệ phân làn xe; đối với trạm, phân trạm lưu thông dễ dàng không yêu cầu thực hiện bảo vệ phân làn thì không áp dụng định mức này.

- Đối với trạm, phân trạm trên đường cao tốc hoặc trạm, phân trạm trạm hình thức thu phí kín có lớn hơn 2 làn thu phí theo hình thức một dừng (MTC) và hình thức thu phí hỗn hợp thì định mức được điều chỉnh nhân hệ số $k = 0,75$.

- Trường hợp lưu lượng thực tế bình quân 1 tháng / 1 làn thu phí vượt lưu lượng mãn tải/làn thu phí, định mức được điều chỉnh nhân thêm hệ số k :

+ Lưu lượng từ 1,8 đến <2,5 lần lưu lượng mãn tải: $k = 1,05$

+ Lưu lượng >2,5 lần lưu lượng mãn tải: $k = 1,1$

- Trường hợp Trạm thu phí tại các nút giao trên đường cao tốc có nhiều phân trạm, mỗi phân trạm được coi như 1 trạm thu phí.

TTP.1400 CÔNG TÁC VẬN HÀNH LÀN THU PHÍ KHÔNG DỪNG (ETC)

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, tác nghiệp đúng vị trí được phân công, điều khiển phương tiện đi vào làn phù hợp, xử lý tình huống sự cố barrier không mở và các tình huống khác tại làn thu phí theo quy trình vận hành và thực hiện một số nhiệm vụ được giao liên quan khác.

Đơn vị: 1 trạm thu phí/ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	≤ 4 làn thu phí ETC và chỉ có 1 chiều thu phí có barrier	≤ 8 làn thu phí ETC	>8 làn thu phí ETC
TTP.14	Công tác vận hành làn thu phí không dừng (ETC)	Lao động trực tiếp sản xuất nhóm II bậc 4/7	công	1	2	3
				10	20	30

Ghi chú:

- Công tác được áp dụng với làn đường thu phí sử dụng đường bộ theo hình thức không dừng (thuần ETC) không áp dụng với làn thu phí hỗn hợp.

- Trường hợp Trạm thu phí tại các nút giao trên đường cao tốc có nhiều phân trạm, mỗi phân trạm được coi như 1 trạm thu phí.

- Số làn thu phí trong định mức không bao gồm làn thu phí ETC không có barrier.

TTP.1500 CÔNG TÁC GIÁM SÁT, HẬU KIỂM GIAO DỊCH BẤT THƯỜNG TẠI FRONT-END

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, thực hiện các nhiệm vụ, giám sát hoạt động thu phí theo kế hoạch phân công, hậu kiểm giao dịch thu phí bất thường (MTC và ETC), lập biên bản ghi nhận sự việc và báo cáo về các trường hợp cán bộ, nhân viên vi phạm các quy định về vận hành, quản lý thu phí trong ca làm việc, kiểm vé lượt cuối ca, các lượt xe qua trạm (phát hiện nhân viên bán vé bán sai mệnh giá nếu có), tình hình thực hiện nội quy trong công tác thu phí, lập biên bản các trường hợp vi phạm theo quy định, đối soát giao dịch ETC cuối ca và thực hiện một số nhiệm vụ được giao liên quan khác.

Đơn vị: 1 trạm thu phí/1 ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	≤4 lần thu phí	≤8 lần thu phí	≤12 lần thu phí	≤16 lần thu phí	>16 lần thu phí
TTP.15	Công tác giám sát, hậu kiểm giao dịch bất thường tại Front-End	Kỹ sư bậc 3/8	công	1,04	2,08	3,12	4,16	5,2
				10	20	30	40	50

Ghi chú:

- Công tác được tính cho Bộ phận Giám sát, hậu kiểm thu phí của đơn vị trực tiếp thu phí tại Front-End.

- Số lần thu phí trong định mức không bao gồm lần thu phí đầu vào ETC không có barrier.

- Trường hợp lưu lượng thực tế bình quân 1 tháng / 1 lần thu phí vượt lưu lượng mãn tải/lần thu phí, định mức được điều chỉnh nhân thêm hệ số k:

+ Lưu lượng từ 1,8 đến <2,5 lần lưu lượng mãn tải: $k = 1,05$

+ Lưu lượng >2,5 lần lưu lượng mãn tải: $k = 1,1$

- Trường hợp phải kết nối với hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu thanh toán điện tử giao thông đường bộ của Cục Đường bộ Việt Nam, phối hợp đối soát, kiểm tra, giải trình số liệu thì định mức được điều chỉnh nhân với hệ số $k = 1,1$.

- Định mức trên được định mức cho Trạm thu phí thực hiện thu phí theo hình thức một dừng (MTC), trường hợp trạm thu phí có cả hình thức thu phí không dừng (ETC) thì định mức được điều chỉnh nhân với hệ số k như sau:

$$k = 1 - \frac{\text{Lưu lượng xe thu phí theo hình thức ETC}}{\text{Tổng lưu lượng xe qua trạm thu phí} \times 1,5}$$

- Trường hợp dự án thu phí kín theo công nghệ đầu vào là làn tự do không có barrier, định mức được điều chỉnh hệ số 1,1.

TTP.1600 CÔNG TÁC KẾ TOÁN VÀ QUẢN LÝ VÉ THẺ

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, chịu trách nhiệm về công tác quản lý vé, cuống vé, quản lý thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác nhập xuất vé, theo dõi lượng vé tồn kho, cân đối nhu cầu vé, kiểm tra tình trạng vé, phát hiện lỗi in ấn nếu có, lập chứng từ xuất nhập vé cho bộ phận bán soát vé; thực hiện các nhiệm vụ thu chi tiền mặt trên cơ sở các chứng từ kế toán theo quy định, thu tiền bán vé trong ca làm việc, chuyển tiền thu từ bán vé cho bộ phận có liên quan, báo cáo tình hình thu chi trong ca làm việc; chuẩn bị đầy đủ lượng tiền lẻ để cung cấp kịp thời cho bộ phận bán soát vé, xác nhận xe giảm giá và thực hiện một số nhiệm vụ được giao liên quan khác.

Đơn vị: 1 trạm thu phí/ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	≤ 2 lần MTC và hỗn hợp /trạm	> 2 lần MTC và hỗn hợp /trạm
TTP.16	Công tác kế toán và quản lý vé thẻ	Kỹ sư bậc 3/8	công	1,08	2,16
				10	20

Ghi chú:

Đối với dự án có nhiều trạm thu phí: công tác kế toán và quản lý vé thẻ tại trạm thu phí được xác định cho Trạm thu phí có bố trí nhân viên trực làm nhiệm vụ vé thẻ. Trường hợp trạm thu phí không có công tác này thì không tính vào dự toán.

TTP.1700 CÔNG TÁC QUẢN LÝ HỆ THỐNG KỸ THUẬT TẠI TÀI HẠ TẦNG TRẠM THU PHÍ VÀ HỆ THỐNG FRONT-END

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, khắc phục kịp thời các xử cố của máy móc, thiết bị trong ca trực; xử lý các sự cố kỹ thuật phát sinh và những tình huống khẩn cấp (cháy nổ, điện, nước, máy tính, thiết bị thu phí, phòng sever...) và thực hiện một số nhiệm vụ được giao liên quan khác.

Đơn vị: 1 trạm thu phí/ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TTP.17	Công tác quản lý hệ thống kỹ thuật tại tài hạ tầng trạm thu phí và hệ thống front-end	Kỹ sư bậc 3/8	công	1
				10

Ghi chú:

Đối với trạm thu phí có bố trí hệ thống kiểm soát tại trọng xe tự động, định mức được điều chỉnh nhân hệ số $k = 1,1$.

TTP.2100 CÔNG TÁC ĐỐI SOÁT SỐ LIỆU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ (ĐƠN VỊ QUẢN LÝ THU PHÍ) VỚI NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ THU PHÍ HOẶC GIỮA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ (GIỮA CÁC ĐƠN VỊ QUẢN LÝ THU PHÍ) TRONG TRƯỜNG HỢP THU PHÍ LIÊN THÔNG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, thực hiện các nhiệm vụ giám sát, đối soát số liệu hoạt động thu phí theo nhiệm vụ trong quy trình được phê duyệt.

Đơn vị: 1 trạm thu phí/ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	≤8 lần thu phí	≤16 lần thu phí	>16 lần thu phí
TTP.21	Công tác đối soát số liệu của nhà đầu tư (đơn vị quản lý thu phí) với nhà cung cấp dịch vụ thu phí hoặc giữa các nhà đầu tư (giữa các đơn vị quản lý thu phí) trong trường hợp thu phí liên thông	Kỹ sư bậc 4/8	công	1,04	2,08	3,12
				10	20	30

TTP.2200 ĐỐI SOÁT GIAO DỊCH ETC TẠI BACK-END

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, trực hệ thống, thực hiện các nhiệm vụ đối soát giao dịch, đối soát số liệu tại back-end theo nhiệm vụ trong quy trình được phê duyệt;

Đơn vị: 1 ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	≤10 trạm thu phí	≤20 trạm thu phí	>20 trạm thu phí
TTP.22	Đối soát giao dịch ETC tại back-end	Kỹ sư bậc 4/8	công	1,04	2,08	3,12
				10	20	30

TTP.2300 CÔNG TÁC QUẢN LÝ TIỀN MẶT DOANH THU THU PHÍ THEO HÌNH THỨC MỘT DỪNG (MTC) VÀ HÌNH THỨC THU PHÍ HỖN HỢP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ (ĐƠN VỊ QUẢN LÝ THU PHÍ)

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, trong khoảng thời gian sau khi kết thúc ca làm việc của đơn vị vận hành thu phí theo thỏa thuận, nhân viên quản lý doanh thu của nhà đầu tư, kiểm tra và nhận tiền mặt từ nhà cung cấp dịch vụ thu phí và quản lý theo nhiệm vụ trong quy trình được phê duyệt.

Đơn vị: 1 trạm thu phí/ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TTP.23	Công tác quản lý tiền mặt doanh thu thu phí theo hình thức một dừng (MTC) và hình thức thu phí hỗn hợp của nhà đầu tư (đơn vị quản lý thu phí)	Kỹ sư bậc 3/8	công	1,08
				10

Ghi chú:

Công tác quản lý tiền mặt doanh thu thu phí theo hình thức một dừng (MTC) và hình thức thu phí hỗn hợp được xác định cho Trạm thu phí có bố trí nhân viên trực thu tiền mặt từ dịch vụ thu phí theo hình thức một dừng (MTC) và thu phí hỗn hợp. Trường hợp trạm thu phí không có công tác này thì không tính vào dự toán.

TTP.2400 CÔNG TÁC QUẢN LÝ DOANH THU VÀ PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, tổng hợp số liệu doanh thu hàng ngày; cập nhật phương án tài chính theo hợp đồng, lập báo cáo và thực hiện một số nhiệm vụ được giao liên quan khác.

Đơn vị: 1 dự án/ngày làm việc

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TTP.24	Công tác quản lý doanh thu và phương án tài chính	Kỹ sư bậc 4/8	công	1
				10

TTP.2500 CÔNG TÁC XÁC ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN GIẢM GIÁ

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, kiểm tra hồ sơ chủ phương tiện, thực hiện việc xác định phương tiện giảm giá, lưu trữ, rà soát hồ sơ, phương tiện định kỳ và thực hiện một số nhiệm vụ được giao liên quan khác.

Đơn vị: 1 dự án/ngày làm việc

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TTP.25	Công tác xác định phương tiện giảm giá	Kỹ sư bậc 3/8	công	1
				10

Ghi chú:

Định mức áp dụng đối với trường hợp phải kiểm tra hồ sơ cấp thẻ giảm giá đối với các dự án cơ quan có thẩm quyền không xác nhận danh sách phương tiện giảm giá.

II. ĐỊNH MỨC CHI PHÍ GIÁN TIẾP

2.1. Chi phí gián tiếp công tác quản lý thu phí, gồm:

- Tiền lương của cán bộ, nhân viên thuộc bộ phận gián tiếp của đơn vị thu phí, các khoản phụ cấp tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi tập thể, các khoản đóng góp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, trích nộp khác theo quy định đối với cán bộ, nhân viên thuộc bộ phận gián tiếp. Chi phí gián tiếp bao gồm:

+ Phân bổ tiền lương bộ phận quản lý công ty bao gồm hội đồng quản trị và ban giám đốc, các phòng ban chức năng đối với hoạt động thu phí.

+ Tiền lương của bộ phận quản lý trạm thu phí: Trạm trưởng, trạm phó (nếu có).

+ Chi phí các bộ phận phục vụ gián tiếp khác như lái xe, tạp vụ, bảo vệ cơ quan...

- Chi phí văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, chi phí đi lại theo nhiệm vụ, nhiên liệu, điện nước phục vụ hoạt động, chi phí hội họp phục vụ hoạt động của trạm thu phí, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị văn phòng, sửa chữa máy móc thiết bị văn phòng, chi phí đào tạo nâng cao trình độ nhân viên, khám sức khỏe, đồng phục nhân viên, in vé, làm thẻ và các chi phí khác (nếu có)...

- Các chi phí, chế độ cho người lao động theo quy định của Luật lao động (lương thưởng, lễ tết, các chế độ phúc lợi...) của bộ phận gián tiếp, không bao gồm các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn của bộ phận lao động trực tiếp mà người sử dụng lao động phải nộp cho người lao động theo quy định đã tính vào chi phí trực tiếp.

- Chi phí bán hàng (không bao gồm công tác bán vé theo hình thức thu phí một dừng tại trạm thu phí).

- Chưa bao gồm chi phí: Đầu tư, sửa chữa, thay thế, nâng cấp thiết bị thu phí và các chi phí khác liên quan đến chuyển đổi công nghệ thu phí và Điện chiếu sáng trạm thu phí; thuế giá trị gia tăng.

2.2. Chi phí công tác quản lý thu phí được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm theo tổng chi phí nhân công trong chi phí trực tiếp công tác thu phí như sau:

2.2.1. Đối với trạm thu phí do Nhà đầu tư (Đơn vị quản lý thu phí) quản lý, tổ chức thu phí:

Đơn vị: Tỷ lệ %

Nội dung	Số lần thu phí của dự án				
	≤6 lần thu phí	≤12 lần thu phí	≤18 lần thu phí	≤46 lần thu phí	>46 lần thu phí
Định mức tỷ lệ công tác quản lý thu phí (%)	70	65	50	40	30

- Đối với các trạm, phân trạm có số lần thu phí MTC hoặc hỗn hợp ≥ 3 lần thì định mức trên điều chỉnh hệ số 0,8.

2.2.2. Đối với trạm thu phí do Nhà cung cấp dịch vụ thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ quản lý, tổ chức thu phí:

- Định mức chi phí công tác quản lý thu phí của Nhà cung cấp dịch vụ thu phí được xác định bằng 30% chi phí nhân công trực tiếp. Đối với các trạm, phân trạm có số lần thu phí MTC hoặc hỗn hợp ≥ 3 lần thì định mức điều chỉnh hệ số 0,8.

- Định mức Chi phí gián tiếp của công tác tổ chức, quản lý công tác thu phí của Nhà đầu tư (Đơn vị quản lý thu phí) được tính bằng tỷ lệ 70% trên chi phí trực tiếp của Nhà đầu tư tại trạm.

III. THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC

Định mức Thu nhập chịu thuế tính trước được định mức đối với các tuyến đường bộ cao tốc thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và trực tiếp quản lý, khai thác. Thu nhập chịu thuế tính trước được tính bằng 6% trên chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp trong dự toán công tác thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ.